

Bản án số: **53/2020/HC-PT**
Ngày: 15- 5 -2020
“*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính*”

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Ông Nguyễn Xuân Điền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Vũ Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:
Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Kiên quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 646/2020/QĐXXPT-HC ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị K; địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã H, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Địa chỉ: phường T1, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã H1: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Phó Chủ tịch UBND thị xã H1; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND xã H, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ - Chủ tịch UBND xã H; Có mặt.

+ Bà Trần Thị Thanh N, địa chỉ: 22 đường H6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

+ Ông Trần Thái H2, địa chỉ: 06 đường Ng, khu 4, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

+ Ông Trần Thái S, địa chỉ: 06 đường Ng, khu 4, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Thanh H3, địa chỉ: 82 đường H6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

+ Ông Trần Thái H4, địa chỉ: 14 đường Ng, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Thanh Th, địa chỉ: 82 đường H6, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

(Bà N, ông H2, ông S, bà H3, ông H4, bà Th đã có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị K).

4. Người làm chứng: Ông Trần Th1 và ông Trần Cao H5. Địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã H, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Người khởi kiện - bà Trần Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phần trình bày của các đương sự thể hiện như sau:

Người khởi kiện trình bày:

Vào năm 1961, bố mẹ của bà K là vợ chồng ông Trần H7 và bà Phan Thị K1 có nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn H8 hai thửa đất mang số hiệu A240 với diện tích 388m² và thửa đất mang số hiệu A241 với diện tích 720m², tọa lạc tại thôn T, xã Đ1, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thôn T, xã H, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế) (có Giấy bán đoạn đất và 02 tờ trích lục địa bộ kèm theo). Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1999 thì hai thửa đất A240, A241 nằm trong thửa NĐ 275, tờ bản đồ số 3; theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2010 thì nằm trong thửa NĐ 17, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại xã H, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Mai Văn H8 thì ông Trần H7 và bà Phan Thị K1 không trực tiếp sử dụng hai thửa đất nói trên vì phải cùng theo các con vào Nam sinh sống và giao lại cho người em trai (ông Trần Th1) nhờ quản lý hai thửa đất

nói trên. Vào năm 2014 ông Trần H7 qua đời, bà Trần Thị K trở về quê và xây dựng một căn nhà cấp 4 trong khuôn viên thửa đất bố bà để lại tại Xóm C, thôn T, xã H, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Trần Thị K, đại diện cho các anh chị em trong gia đình có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1 xin xác lập quyền sử dụng đất hai thửa đất có ký hiệu nói trên.

Ngày 10/10/2014 Ủy ban nhân dân xã H đã lập biên bản xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị K do xây dựng trái phép trong diện tích Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Ngày 29/10/2014 Ủy ban nhân dân xã H đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị K.

Bà K đã có khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền vì trước đây bà có làm đơn xin cấp GCNQSDĐ.

Ngày 12/6/2015, UBND xã H có tổ chức buổi hòa giải, có lập biên bản hòa giải nhưng không thành.

Ngày 09/6/2015 UBND thị xã H1 có công văn số 883/UBND-KNTD về việc giao trách nhiệm giải quyết kiến nghị của công dân đề nghị Chủ tịch UBND xã H rà soát nội dung để báo cáo cho UBND thị xã.

Ngày 17/7/2015 UBND thị xã đã có Công văn số 1141/UBND-KDTN về việc giao trách nhiệm giải quyết kiến nghị công dân yêu cầu Phòng TNMT kiểm soát tham mưu và giải quyết theo quy định của luật.

Ngày 10/11/2016 Ủy ban nhân dân thị xã H1 ban hành Công văn số 4303/UBND-TTr về việc trả lời đơn của công dân với nội dung khẳng định không chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị K.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 4303/UBND-TTr của UBND thị xã H1.

Đối với UBND thị xã H1 cho rằng: Bà Trần Thị K xây dựng nhà trái phép trên thửa đất số A240 với diện tích 388m² và thửa đất mang số hiệu A 241 với diện tích 720m², tọa lạc tại thôn T, xã Đ1, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế mặc dù không có sự cho phép của chính quyền địa phương. Vì vậy, ngày 10/10/2014 UBND xã H đã kiểm tra việc lập biên bản vi phạm ngày 29/10/2014 để xử phạt hành chính đối với bà vì hành vi lấn chiếm đất đai theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 9, Nghị định 105/NĐ-CP ngày 11/11/2009.

Đến ngày 20/8/2015 bà K có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND thị xã H1 đã có công văn số 495/UBND ngày 04/4/2016 trả lời không đồng ý vì: “Việc bà Trần Thị K xin đăng ký sử dụng thửa đất

có nguồn gốc của ông Trần H7 cha bà K nhưng thực tế từ trước năm 1975 cho đến khi ông H7 chết năm 2014, ông H7 không có hộ khẩu thường trú tại xã H, không trực tiếp sử dụng đất nên không thuộc đối tượng được đăng ký theo quy định tại Khoản 3 Điều 95, không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định Điều 17 và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013...”

Sau khi nhận được công văn này, bà K tiếp tục khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền. Vào ngày 27/5/2016 Ủy ban nhân dân thị xã H1 đã ban hành Thông báo 805/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại công văn 495 ngày 4/4/2016 của bà Trần Thị K.

Ngày 28/9/2016 Ủy ban nhân dân thị xã H1 tiếp tục ban hành Công văn 2485A/UBND-TNMT về việc trả lời đơn bà K.

Sau khi nhận được công văn số 2485 bà K tiếp tục có Đơn khiếu nại ghi ngày 04/10/2016 gửi UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. UBND thị xã H1 soát xét thấy rằng bà K vi phạm pháp luật đất đai đã bị xử phạt vi phạm hành chính và bà đã chịu phạt. Những nội dung kiến nghị của bà đã được UBND thị xã nhiều lần giải quyết và trả lời đơn, do đó ngày 10/11/2016 Ủy ban nhân dân thị xã H1 ban hành Công văn số 4303/UBND-TTTr về việc trả lời đơn của công dân với nội dung khẳng định: *“Bà Trần Thị K không phải là người đang sử dụng đất, cha mẹ bà K cũng không sử dụng thửa đất từ năm 1975; thửa đất theo hồ sơ quản lý đất đai là do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Do đó, việc UBND thị xã H1 không cấp giấy CNQSDĐ cho bà Trần Thị K là đúng quy định pháp luật, việc UBND thị xã H1 không cấp giấy CNQSDĐ cho bà Trần Thị K không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị K...”*, không chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị K. Việc ban hành công văn số 4303 này căn cứ vào điểm b, khoản 2, điều 6 của Thông tư số 07/TT- TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra chính phủ. Vì vậy UBND thị xã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; điểm d khoản 1 điều 100 Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về yêu cầu hủy Công văn số 4303/UBND-TTr của UBND thị xã H1 ban hành ngày 10/11/2016 về việc trả lời đơn của công dân với nội dung khẳng định không chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị K.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 9 năm 2019, bà Trần Thị K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Tại phiên tòa hôm nay bà K đề nghị, xin được đăng ký kê khai mảnh đất của cha, mẹ đã mua từ trước nhưng do hoàn cảnh phải xa gia đình, nay trở về quê hương đã làm nhà, trồng cây làm vườn đất không có tranh chấp, không cần quy hoạch nên xin kê khai thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Bà Trần Thị K cho rằng năm 1961, bố mẹ Bà là ông Trần H7, bà Phan Thị K1 nhận chuyển nhượng của ông Mai Văn H8 hai thửa đất mang số hiệu A240 diện tích 388 m² và A 241 diện tích 720 m² tại thôn T, xã Đ1, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế nay là thửa ND 17, tờ bản đồ số 28 tại xã H, thị xã H1. Vì điều kiện gia đình nên sau khi nhận chuyển nhượng, bố mẹ Bà không trực tiếp sử dụng mà giao cho chú của Bà là ông Trần Th1 quản lý. Đến năm 2014, bà trở về quê xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất thì bị xử phạt vi phạm hành chính vì xây dựng trái phép. Bà gửi hồ sơ đến UBND xã H xin xác nhận quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận. Bà đã khiếu nại nhiều lần và tại Công văn số 4303/UBND-TTr ngày 10/11/2016, UBND thị xã H1 khẳng định không chấp nhận đơn yêu cầu của Bà nên Bà khởi kiện yêu cầu hủy Công văn nêu trên. Trong khi đó, UBND thị xã H1 xác định: Thửa đất mà bà K đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hồ sơ quản lý đất đai thì do UBND xã H quản lý, cha mẹ bà K không quản lý, sử dụng từ năm 1975; bà K không phải là người đang sử dụng đất nên việc UBND thị xã H1 không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K là đúng quy định pháp luật. Do đó, Công văn 4303

nêu trên là đúng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 07/TT-TTCTP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ, nên không đồng ý yêu cầu của bà K.

[2.] Xét yêu cầu kháng cáo của bà K đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Công văn số 4303/UBND-TTr ngày 10/11/2016 của UBND thị xã H1, thấy rằng:

- Về hình thức và thẩm quyền ban hành: Đối với vấn đề không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà K đã khiếu nại rất nhiều lần và đã được UBND thị xã H1 giải quyết tại các Công văn số 495/UBND ngày 04/4/2016; Thông báo số 805/TB-UBND ngày 27/5/2016, Công văn số 2485/UBND-TNMT số 28/9/2016, do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 07/TT-CCTP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ, UBND thị xã H1 xác định đơn của bà K không đủ điều kiện xử lý vì đơn của bà K đã gửi đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết và đã được hướng dẫn nhiều lần về cùng nội dung là đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Bà K cho rằng cha mẹ bà nhận chuyển nhượng đất từ năm 1961 có Giấy bán đoạn đất và 02 trích lục địa bộ kèm theo nhưng không quản lý mà nhờ ông Trần Th1 quản lý. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh nguồn gốc đất thì ông Trần Th1 không đăng ký kê khai trong sổ mục kê, sổ kiến điền cũng như không đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ mà toàn bộ diện tích đất do UBND xã H quản lý. Như vậy, bà K không được Nhà nước giao đất, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định và không phải là người đang trực tiếp sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, nên bà K không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, tại Công văn số 4303/UBND-TTr ngày 10/11/2016, UBND thị xã H1 khẳng định không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của bà K yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện, hủy Công văn số 4303/UBND-TTr ngày 10/11/2016 của UBND thị xã H1 là không có căn cứ chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị K. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 09/2019/HC-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” giữa người khởi kiện là bà Trần Thị K với người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; điểm d khoản 1 điều

100 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về yêu cầu hủy Công văn số 4303/UBND-TTr của UBND thị xã H1 ban hành ngày 10/11/2016 về việc trả lời đơn của công dân với nội dung khẳng định không chấp nhận đơn yêu cầu của bà Trần Thị K.

3. Bà Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 005563 ngày 01/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về các phần còn lại không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn